TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/6/2024
V/v: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Ngữ.
Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Thanh
ông Nguyễn Quang Vinh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2024 về việc: Không công nhận vợ chồng; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: Anh Tống Văn L, sinh năm 1973 (có mặt)

+ **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng trú tại thôn Ghép, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn với nhau năm 1992, vợ chồng có đến nhà cán bộ phụ trách kết hôn của xã Thái Đào để đăng ký. Cán bộ đăng ký kết hôn bảo vợ chồng cứ về sẽ gửi giấy đăng ký kết hôn sau. Sau khi kết hôn thì anh đi nghĩa vụ quân sự 4 năm, không lấy giấy đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hòa thuận từ khi cưới đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm gì đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Tống Văn Hải, sinh ngày 16/9/1995 và Tống Thị Yến, sinh ngày 22/9/1997. Hiện cả 2 cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh vẫn giữ nguyên những yêu cầu trên.

Chị Nguyễn Thị H là bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L kết hôn với nhau năm 1992, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Đào. Tuy nhiên, do không hiểu biết nên vợ chồng không lấy giấy chứng nhận kết hôn về. Vợ chồng chung sống hòa thuận từ khi cưới đến năm 2016-2017 thì anh L đi xuất khẩu lao động và cắt đứt liên lạc với chị, vợ chồng không liên lạc, quan tâm đến nhau. Năm 2022 thì anh L về nước nhưng không về nhà mà về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nếu phải ly hôn, chị đề nghị anh L cấp dưỡng cho chị mỗi tháng 2.000.000đ vì hiện nay chị bị ung thư, không có khả năng lao động và thu nhập.

- Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung như anh L trình bày là đúng. Hiện các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân nên không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L đồng ý ly hôn và rút yêu cầu cấp dưỡng

Thực hành kiểm sát hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật:

+ Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử không công nhận anh Tống Văn L và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng

Ngoài ra, còn đề nghị giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Anh L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Các đương sự đều trú tại xã Thái Đào, huyện Lạng Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tống Văn L và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau năm 1992 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện. Cả anh L và chị H đều trình bày là có ra UBND xã Thái Đào đăng ký kết hôn, tuy nhiên anh chị không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Tòa án xác minh tại sổ theo dõi kết hôn tại UBND xã Thái Đào thì anh L và chị H không đăng ký kết hôn.

Như vậy, có căn cứ xác định anh L và chị H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vi phạm các Điều 11, 12, 14 Luật hôn nhân và gia đình 2000, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTA-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Do đó, HĐXX không công nhận anh L và chị H là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Anh L và chị H đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Tống Văn Hải, sinh ngày 16/9/1995 và Tống Thị Yến, sinh ngày 22/9/1997. Hiện nay các con chung của anh chị đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, anh chị không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản, công nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theoquy định tại các Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 11, 12, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Tống Văn L và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Tống Văn L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007279 ngày 04/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận anh L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự đều có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND huyện Lạng Giang;*
- *THADS huyện Lạng Giang;*
- *UBND xã Thái Đào;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ